



Số: IER - N2511.0900

BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : CO.OP MART PHAN VĂN TRỊ

Tên mẫu : Co.op mart Phan Văn Trị

Mô tả mẫu : Mẫu nước chứa trong chai nhựa có niêm phong

Ngày lấy mẫu : 19.11.2025

Đơn vị lấy mẫu : Khách hàng gửi mẫu

Ngày nhận mẫu : 19.11.2025

TT	THÔNG SỐ PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN	QUY CHUẨN ^(a)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1.	pH	-	6,69	1÷14	5 - 9	TCVN 6492:2011
2.	BOD ₅ (20°C)	mg/L	KPH	1,0	50	SMEWW 5210.B:2017
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	94	-	1.000	LGW 35
4.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	KPH	2,0	100	SMEWW 2540.D:2017
5.	Amoni N-NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	< 1,5	0,5	10	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017
6.	Phosphat P-PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	0,84	0,02	10	SMEWW 4500-P.D:2017
7.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH	0,05	4,0	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	KPH	1,0	20	SMEWW 5520.B&F:2017
9.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	0,05	10	SMEWW 5540.B&C:2017
10.	Nitrat N-NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	5,45	0,05	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017
11.	Tổng Coliforms	MPN/100mL	KPH	1,8	5.000	SMEWW 9221.B:2017

Ghi chú:

- Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 138 (GCN số 04/GCN-BTNMT).
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- Các ký hiệu: KPH: Không phát hiện.
- Dấu (-): Không chứa giá trị, thông tin.
- ^(a) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

Đại diện nhóm phân tích

Phụ Trách Phòng Thí Nghiệm

ThS. Nguyễn Văn Sang

ThS. Nguyễn Thành Trung

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2025



GS. TS. Lê Thanh Hải